

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2018 /DS-ST
Ngày 05 - 02 - 2018
V/v “Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương
2. Ông Đỗ Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2017/TLST-DS ngày 17/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXXST-DS ngày 26/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Anh Trần Văn C, sinh năm 1978
2. Chị Trần Thị Y, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Y: Anh Trần Văn C (Giấy ủy quyền ngày 25/10/2017).

Chị Y vắng mặt. Anh C có mặt.

Bị đơn:

1. Anh Bàn Văn C1, sinh năm 1981
2. Chị Lý Thị H, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng ngày 17/10/2017, nguyên đơn anh Trần Văn C và chị Trần Thị Y trình bày:

Vợ chồng anh chị có bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, do quen biết nên vợ chồng anh chị đã bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng anh Bàn Văn C1

và chị Lý Thị H để anh C1 chị H chăn nuôi tại gia đình, anh C1, chị H không có đăng ký kinh doanh. Hai bên thỏa thuận anh C1 chị H lấy hàng nợ lại tiền và thanh toán dần, nhưng khi bán gia súc gia cầm thì phải thanh toán trả hết số tiền cám còn nợ. Từ ngày 10/7/2016 đến ngày 28/02/2017 anh C1 chị H đã nhiều lần lấy hàng nợ lại tiền, việc mua bán có ghi sổ sách và anh C1 chị H đã ký nhận đầy đủ. Ngày 28/3/2017 hai bên chốt nợ xác định vợ chồng anh C1 đã nợ tổng cộng 144.110.000 đồng, anh C1 chị H trả luôn 50.000.000 đồng, còn nợ lại 94.110.000 đồng anh chị hẹn đến ngày 10/7/2017 sẽ thanh toán trả nợ cho vợ chồng anh C, chị Y, nếu chậm thanh toán sẽ phải chịu lãi suất 2%/tháng. Đến hạn anh C1, chị H không trả nợ và từ đó đến nay anh C1, chị H cũng không trả mặc dù anh C chị Y đã đòi nhiều lần. Vì vậy anh C chị Y đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Bàn Văn C1 và chị Lý Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng anh chị số tiền còn nợ gồm: Tiền gốc 94.110.000 đồng; Tiền lãi tính từ ngày 28/02/2017 với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm, do chưa đến ngày xét xử nên anh chị tạm tính đến ngày khởi kiện là: $94.110.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 7 \text{ tháng} = 11.001.459 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là 105.111.459 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, anh chị có thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, cụ thể anh chị yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 11/7/2017 đến khi giải quyết xét xử xong vụ án, với lãi suất 20%/năm, 1,66%/tháng, do chưa biết ngày xét xử nên anh chị tạm tính đến ngày thụ lý vụ án là $94.110.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} 06 \text{ ngày} = 4.999.123 \text{ đồng}$. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 99.109.123 đồng.

Tại bản tự khai ngày 10/11/2017, bị đơn anh Bàn Văn C1 trình bày: Gia đình anh có chăn nuôi gia súc, gia cầm, không có đăng ký kinh doanh. Gia đình anh có mua thức ăn chăn nuôi của nhà anh Trần Văn C và chị Trần Thị Y, hình thức mua bán hai bên thỏa thuận vợ chồng anh lấy hàng trước, nợ lại tiền và thanh toán dần. Từ ngày 10/7/2016 đến ngày 28/02/2017 vợ chồng anh đã nhiều lần mua thức ăn chăn nuôi của nhà anh Trần Văn C và chị Trần Thị Y. Ngày 28/3/2017 hai bên chốt sổ với tổng nợ là 144.110.000 đồng, vợ chồng anh đã trả 50.000.000 đồng, nợ lại 94.110.000 đồng hẹn đến ngày 10/7/2017 sẽ trả nợ, nếu chậm trả sẽ phải chịu lãi suất là 2%/tháng. Đến hạn do gia đình anh gặp khó khăn nên chưa thanh toán cho vợ chồng anh C, chị Y được. Nay anh C chị Y yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền còn nợ, anh nhất trí trả nợ số tiền nợ gốc là 94.110.000 đồng, còn số tiền lãi do gia đình kinh tế khó khăn nên anh xin không trả.

Đối với chị Lý Thị H là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật nhưng chị H không có văn bản trả lời đối với yêu cầu của người khởi kiện. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được vì bị đơn anh Bàn Văn C1, chị Lý Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc bị đơn anh C1, chị H vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng

cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chứng cứ chứng minh về việc mua bán tài sản và chốt công nợ. Bị đơn anh Bàn Văn C1 cung cấp tài liệu chứng cứ về nhân thân.

Tại phiên toà anh Trần Văn C là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình về việc yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản cụ thể anh yêu cầu anh C1, chị H phải liên đới trả cho vợ chồng anh tiền mua hàng còn nợ là 94.110.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/7/2017 đến ngày xét xử là 06 tháng 25 ngày cụ thể: 94.110.000 đồng x 1,66%/tháng x 06 tháng 25 ngày = 10.675.211 đồng. Cộng cả gốc và lãi là: 104.785.211 đồng (làm tròn là 104.785.200 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Trần Văn C và chị Trần Thị Y khởi kiện yêu cầu anh Bàn Văn C1 chị Lý Thị H (địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai) trả tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định mối quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng quy định.

Anh Bàn Văn C1 và chị Lý Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, như vậy cần xét xử vắng mặt anh C1 chị H là phù hợp với Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy việc thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi giữa vợ chồng anh Bàn Văn C1 chị Lý Thị H với vợ chồng anh Trần Văn C chị Trần Thị Y là tự nguyện không trái pháp luật. Quá trình mua bán diễn ra từ ngày 10/7/2016 đến ngày 28/02/2017 và được ghi vào sổ sách có ký nhận của người mua. Theo biên bản chốt nợ ngày 28/3/2017 xác định số tiền anh C1 chị H còn nợ anh C chị Y là 94.110.000 đồng, anh C1 đã ký nhận và hẹn đến ngày 10/7/2017 sẽ thanh toán trả nợ nhưng anh chị đã không trả nợ đúng hạn. Tại bản tự khai ngày 10/11/2017 anh C1 thừa nhận các nội dung trên là đúng sự thật và thừa nhận từ ngày 10/7/2017 đến nay anh C1 chị H chưa thanh toán được số tiền trên. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của anh C chị Y yêu cầu vợ chồng anh C1 chị H phải liên đới thanh toán số tiền gốc còn nợ là 94.110.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh C chị Y yêu cầu vợ chồng anh C1 chị H phải liên đới thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm, 1,66%/tháng tính từ ngày 11/7/2017. Quá trình giải quyết vụ án, anh C1 có lời khai trình bày do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh xin không trả tiền lãi. Tuy nhiên đối với vụ án này Tòa

án không tiến hành hòa giải được do vợ chồng anh C1 chị H không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Xét thấy yêu cầu về tính tiền lãi của anh C chị Y là phù hợp với thỏa thuận trong biên bản chốt công nợ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 11/7/2017 đến ngày xét xử như sau:

$94.110.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 10.675.211 \text{ đồng}.$

Từ các lập luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh C1 chị H phải liên đới trả cho vợ chồng anh C chị Y số tiền còn nợ là 94.110.000 đồng và tiền lãi là 10.675.211 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là: 104.785.211 đồng (Làm tròn là 104.785.200 đồng). Quy phân cụ thể: Anh Bàn Văn C1 phải trả cho anh Trần Văn C, chị Trần Thị Y 52.392.600 đồng. Chị Lý Thị H phải trả cho anh Trần Văn C, chị Trần Thị Y 52.392.600 đồng.

[4] Về án phí: Anh Trần Văn C chị Trần Thị Y không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Bàn Văn C1 và chị Lý Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 430; 440; Điều 357; Khoản 1 Điều 468; Điều 288 Bộ luật dân sự; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C chị Trần Thị Y.

Buộc anh Bàn Văn C1 và chị Lý Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng anh Trần Văn C, chị Trần Thị Y số tiền mua hàng còn nợ là 94.110.000 đồng và 10.675.200 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 104.785.200 đồng (Một trăm linh tư triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm đồng). Quy phân cụ thể như sau:

Anh Bàn Văn C1 phải trả cho anh Trần Văn C, chị Trần Thị Y 52.392.600 đồng (Năm mươi hai triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm đồng).

Chị Lý Thị H phải trả cho anh Trần Văn C, chị Trần Thị Y 52.392.600 đồng (Năm mươi hai triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Bàn Văn C1 và chị Lý Thị H mỗi người phải chịu 2.619.600 đồng (Hai triệu, sáu trăm mười chín nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn C và chị Trần Thị Y không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh chị được hoàn lại 2.627.786 đồng (Hai triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0007350 ngày 17/10/2017.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADS huyện BT;
- Đường Sự (04);
- Lưu HS, TA, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng